



Ph m
Ng c
Huy
n

Digitally signed by
Ph m Ng c Huy n
DN: cn=Ph m Ng c
Huy n c=VN
l=Qu n Hai Bà
Tr ng ou=CÔNG
TY C PH NT P
ñ OÀN ECI
Reason: I am the
author of this
document
Location:
Date: 2025-03-31
13:47+07:00

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ECI**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch HĐQT	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21/03/2023.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

Vốn điều lệ: 18.600.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2024: 18.600.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 024.9711146 - 8213786
- Fax: (84) 024.9711404 – 8213786
- Website: www.bandotranhanh.vn

Ngành nghề kinh doanh

- In ấn;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thực phẩm.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên tại ngày 31/12/2024 là 24 người (tại ngày 01/01/2024 là 31 người).
Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Nguyễn Tuấn Nam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07/03/2023
• Ông Nguyễn Nam Phóng	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021
• Ông Cao Văn Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/03/2023
• Bà Hoàng Mai Diệp	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/03/2023
		Xin từ nhiệm ngày 04/02/2025 (*)

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT (tiếp theo)

- | | | |
|---------------------|---------|----------------------------------|
| • Ông Lưu Văn Thịnh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/08/2022 |
| | | Xin từ nhiệm ngày 15/05/2024 (*) |

(*) Từ nhiệm chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Hoàng Yến | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Lương Thị Thanh Duyên | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thanh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/08/2022 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Nam | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Ông Cao Văn Dũng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2022 |
| • Bà Hoàng Mai Diệp | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2022 |
| • Bà Đỗ Thị Thơm | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 08/06/2022 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng ; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT trong việc lập Báo cáo tài chính

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT (tiếp theo)

Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 591/2025/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 28/03/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Chúng tôi xin lưu ý vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.
2. Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 19d, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 07/03/2023 đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 6% vốn điều lệ. Công ty đã chốt quyền hưởng cổ tức vào ngày 04/12/2023; Số liệu cổ tức phải trả năm 2022 là 1,056 tỷ đồng hiện được Công ty theo dõi tại khoản mục “Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác”. Đến nay, Công ty đã nhiều lần gia hạn thời gian trả cổ tức và lần gia hạn thứ 6 là lùi thời điểm thanh toán cổ tức đến ngày 30/06/2025. Việc chậm trễ thanh toán cổ tức như trên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: “Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên”.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 8, nợ phải thu về tạm ứng bà Phạm Ngọc Huyền tại ngày 31/12/2024 là 2 tỷ đồng (số dư tại ngày 01/01/2024 là 900 triệu đồng). Trong năm 2024, bà Huyền đã tạm ứng 2,714 tỷ đồng với mục đích cho hoạt động kinh doanh của Công ty; Tuy nhiên, các giao dịch hoàn ứng (1.596.290.910 đồng) là bằng tiền. Công ty cho ông Nguyễn Tuấn Nam tạm ứng (560 triệu đồng) với mục đích tương tự và hoàn ứng (560 triệu đồng) bằng tiền. Do các giao dịch hoàn ứng đều bằng tiền nên chúng tôi không thể xác định việc tạm ứng có được sử dụng đúng mục đích hay không.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Lê Đức Tùng - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5181-2021-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.201.823.087	28.267.434.479
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.704.447.558	486.576.393
1. Tiền	111	5	12.704.447.558	486.576.393
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.000.000.000	20.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	8.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.134.475.219	5.110.634.743
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.892.696.069	4.766.723.498
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		39.340.182	33.167.840
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.157.098.745	1.058.519.272
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(954.659.777)	(747.775.867)
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.310.745.420	2.617.453.179
1. Hàng tồn kho	141		3.364.179.976	4.404.402.450
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.053.434.556)	(1.786.949.271)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.154.890	52.770.164
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	2.225.002	28.472.724
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		49.929.888	24.297.440
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.323.056.520	18.347.862.333
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.317.884.166	4.270.117.226
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	3.317.884.166	4.270.117.226
- Nguyên giá	222		8.603.762.079	8.603.762.079
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.285.877.913)	(4.333.644.853)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	14.000.000.000	14.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		14.000.000.000	14.000.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.172.354	77.745.107
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	5.172.354	77.745.107
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		44.524.879.607	46.615.296.812

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.870.357.109	16.174.039.445
I. Nợ ngắn hạn	310		11.539.140.615	13.343.276.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	6.816.522.589	9.229.265.207
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.829.868	508.119.622
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	201.500.119	167.793.016
4. Phải trả người lao động	314		201.173.626	323.962.250
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	757.985.414	821.321.561
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.636.728.983	1.603.164.887
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18.a	1.728.296.392	499.546.392
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		190.103.624	190.103.624
II. Nợ dài hạn	330		2.331.216.494	2.830.762.886
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18.b	2.331.216.494	2.830.762.886
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.654.522.498	30.441.257.367
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	30.654.522.498	30.441.257.367
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	19	(726.105.307)	(726.105.307)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	2.633.994.225	2.633.994.225
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	19	741.277.519	741.277.519
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	9.405.356.061	9.192.090.930
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	19	9.192.090.930	15.395.537.727
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	19	213.265.131	(6.203.446.797)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		44.524.879.607	46.615.296.812



Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	3.767.339.742	17.936.526.332
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	110.898.816
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		3.767.339.742	17.825.627.516
4. Giá vốn hàng bán	11	21	3.016.531.073	13.874.452.021
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		750.808.669	3.951.175.495
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.119.950.511	9.496.220
7. Chi phí tài chính	22	23	276.286.342	316.875.986
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		265.370.271	306.335.986
8. Chi phí bán hàng	25	24.a	3.196.675.606	4.133.430.581
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.b	4.168.372.128	5.559.023.616
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.770.574.896)	(6.048.658.468)
11. Thu nhập khác	31	25	4.102.887.880	3.245.003
12. Chi phí khác	32	26	62.889.124	156.264.812
13. Lợi nhuận khác	40		4.039.998.756	(153.019.809)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		269.423.860	(6.201.678.277)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	56.158.729	1.768.520
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		213.265.131	(6.203.446.797)



Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		269.423.860	(6.201.678.277)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	12	952.233.060	966.123.469
- Các khoản dự phòng	03		473.369.195	354.424.152
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	21	(3.119.950.511)	(9.496.220)
- Chi phí lãi vay	06	22	265.370.271	306.335.986
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.159.554.125)	(4.584.290.890)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(119.754.094)	7.240.141.921
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.040.222.474	2.201.306.919
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.955.984.315)	(493.941.062)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		98.820.475	345.330.235
- Tiền lãi vay đã trả	14	22	(265.370.271)	(306.335.986)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(133.060.358)	(195.791.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.494.680.214)	4.206.419.997
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.000.000.000)	(20.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8, 22	2.983.347.771	1.605.809
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.983.347.771	(19.998.394.191)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	18	1.228.750.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(499.546.392)	(499.546.392)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		729.203.608	(499.546.392)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		12.217.871.165	(16.291.520.586)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	486.576.393	16.778.096.979
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	12.704.447.558	486.576.393



Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21/03/2023.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thực phẩm.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty có 1 Công ty con:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh và thương mại	80,00%

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 1 Công ty con. Theo các quy định hiện hành, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo cần đọc Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Các khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 4

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ vào kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”..

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

Cổ phiếu Quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền đã trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận năm trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ (Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024, Công ty áp dụng thuế suất 8% theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP của Chính phủ); 5% đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục; Hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục đĩa CD- Rom phục vụ cho giáo dục không chịu thuế.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	499.560.000	93.251.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.204.887.558	393.325.393
Cộng	12.704.447.558	486.576.393

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	-	20.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 12 tháng	8.000.000.000	-
Cộng	8.000.000.000	20.000.000.000

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Hải Dương	281.216.200	281.216.200
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Sơn La	333.570.539	333.570.539
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	477.435.915	477.435.915
Công ty TNHH Thương mại Chiên Đức (trước đây là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Golden Bay)	2.364.936.000	2.364.936.000
Các đối tượng khác	435.537.415	1.309.564.844
Cộng	3.892.696.069	4.766.723.498

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	144.493.151	-	7.890.411	-
Phải thu thuế TNCN	3.005.594	-	10.628.861	-
Tạm ứng	2.009.600.000	-	900.000.000	-
- Bà Phạm Ngọc Huyền	2.000.000.000	-	900.000.000	-
- Các đối tượng khác	9.600.000	-	-	-
Phải thu khác	-	-	140.000.000	-
Cộng	2.157.098.745	-	1.058.519.272	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2024	Năm 2023
Số dư dự phòng phải thu đầu năm	747.775.867	370.988.991
Dự phòng trích trong năm	206.883.910	376.786.876
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số dư dự phòng cuối năm	954.659.777	747.775.867

10. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	52.232.655	-
Thành phẩm	2.483.536.548	1.692.019.549	3.320.809.922	1.591.876.915
Hàng hóa	880.643.428	361.415.007	1.031.359.873	195.072.356
Cộng	3.364.179.976	2.053.434.556	4.404.402.450	1.786.949.271

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2024 là 2.264.810.879 đồng. Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2024.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.225.002	2.991.666
Chi phí bảo hiểm	-	25.481.058
Cộng	2.225.002	28.472.724

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	11.313.135
Tem và thẻ cào điện tử	194.354	194.354
Chi phí sửa chữa	-	58.358.979
Chi phí khác	4.978.000	7.878.639
Cộng	5.172.354	77.745.107

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	342.503.748	7.821.189.700	440.068.631	8.603.762.079
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	342.503.748	7.821.189.700	440.068.631	8.603.762.079
Khấu hao				
Số đầu năm	342.503.748	3.581.912.525	409.228.580	4.333.644.853
Khấu hao trong năm	-	942.043.332	10.189.728	952.233.060
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	342.503.748	4.523.955.857	419.418.308	5.285.877.913
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	4.239.277.175	30.840.051	4.270.117.226
Số cuối năm	-	3.297.233.843	20.650.323	3.317.884.166

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2024 là 3.297.151.668 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 2.910.743.153 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2024	01/01/2024
Tình hình hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con		14.000.000.000	-
- Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	1.400.000	14.000.000.000	-
Cộng		14.000.000.000	-

Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
XN Bán đồ 1 - CN Công ty TNHH MTV Trắc địa Bán đồ	4.027.766.051	4.027.766.051
Công ty TNHH In và TBGD Đông Á	1.219.401.275	1.219.401.275
Công ty TNHH xuất nhập khẩu MSD Việt Nam	-	2.296.006.900
Công ty TNHH Một thành viên In Quân đội 2	752.000.000	852.000.000
Các đối tượng khác	817.355.263	834.090.981
Cộng	6.816.522.589	9.229.265.207

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	15.720.061	5.220.643	20.940.704	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	91.568.541	56.158.729	133.060.358	-	14.666.912
Thuế thu nhập cá nhân	-	60.504.414	69.538.450	113.013.103	-	17.029.761
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	339.606.891	169.803.445	-	169.803.446
Các loại thuế khác	-	-	29.746.224	29.746.224	-	-
Cộng	-	167.793.016	500.270.937	466.563.834	-	201.500.119

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Trích trước phí nhuận bút	757.985.414	650.287.551
Các khoản trích trước khác	-	171.034.010
Cộng	757.985.414	821.321.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	314.062.537	291.116.069
Thù lao HDQT, BKS	88.690.000	88.690.000
Thuế TNCN thu thừa	173.643.535	163.025.907
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.058.605.610	1.058.605.610
Phải trả khác	1.727.301	1.727.301
Cộng	1.636.728.983	1.603.164.887

18. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	-	3.033.402.090	1.804.652.090	1.228.750.000
- Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	-	1.228.750.000	-	1.228.750.000
- Bà Phạm Ngọc Huyền	-	1.804.652.090	1.804.652.090	-
Vay dài hạn đến hạn trả	499.546.392	499.546.392	499.546.392	499.546.392
- Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng	499.546.392	499.546.392	499.546.392	499.546.392
Cộng	499.546.392	3.532.948.482	2.304.198.482	1.728.296.392

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	3.330.309.278	-	499.546.392	2.830.762.886
- Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng	3.330.309.278	-	499.546.392	2.830.762.886
Cộng	3.330.309.278	-	499.546.392	2.830.762.886
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	499.546.392			499.546.392
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.830.762.886			2.331.216.494

Vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam – Chi nhánh Trần Duy Hưng theo Hợp đồng Tín dụng số SHBVN/TDH/PL/2022/1376 ngày 20/07/2022. Thời hạn vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay: vay mua xe. Lãi suất cho vay: 8,5% /năm trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2023	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	16.451.537.727	37.700.704.164
Tăng trong năm	-	-	-	-	(6.203.446.797)	(6.203.446.797)
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.056.000.000	1.056.000.000
Số dư tại 31/12/2023	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	9.192.090.930	30.441.257.367
Số dư tại 01/01/2024	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	9.192.090.930	30.441.257.367
Tăng trong năm	-	-	-	-	213.265.131	213.265.131
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	9.405.356.061	30.654.522.498

b. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.860.000	1.860.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	100.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	9.192.090.930	16.451.537.727
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	213.265.131	(6.203.446.797)
Phân phối lợi nhuận	-	1.056.000.000
- Phân phối lợi nhuận năm trước	-	1.056.000.000
+ Chia cổ tức	-	1.056.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	9.405.356.061	9.192.090.930

d. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 07/03/2023 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 6% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty thực hiện chốt quyền chi trả cổ tức bằng tiền như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Ngày đăng ký cuối cùng: 04/12/2023

- Thời gian thực hiện: 18/12/2023

Ngày 15/12/2023, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức đến ngày 22/01/2024.

Ngày 17/01/2024, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức lần 2 đến ngày 29/02/2024.

Ngày 27/02/2024, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức lần 3 đến ngày 26/04/2024.

Ngày 19/04/2024, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức lần 4 đến ngày 28/06/2024.

Ngày 24/06/2024, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức lần 5 đến ngày 30/09/2024.

Ngày 25/09/2024, Công ty tiếp tục thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức lần 6 đến ngày 30/06/2025.

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán đồ, tranh ảnh giáo dục	1.269.694.578	10.741.459.627
Doanh thu thiết bị giáo dục	2.111.717.559	7.191.367.505
Doanh thu bán sách tham khảo	48.427.605	3.699.200
Doanh thu khác	337.500.000	-
Cộng	3.767.339.742	17.936.526.332

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn bán đồ, tranh ảnh giáo dục	990.028.035	7.733.471.476
Giá vốn thiết bị giáo dục	1.707.785.098	6.161.014.083
Giá vốn sách tham khảo	52.232.655	2.329.186
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	266.485.285	(22.362.724)
Cộng	3.016.531.073	13.874.452.021

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	519.950.511	9.496.220
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.600.000.000	-
- Cổ tức trước năm 2024	701.318.783	-
- Cổ tức năm 2024	1.898.681.217	-
Cộng	3.119.950.511	9.496.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	265.370.271	306.335.986
Chiết khấu thanh toán	10.916.071	10.540.000
Cộng	276.286.342	316.875.986

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
Tiền lương và các khoản trích theo lương	2.109.693.668	2.303.332.915
Chi phí bốc xếp vận chuyển	34.766.218	166.999.500
Chi phí hoa hồng môi giới	(171.034.010)	171.034.010
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	824.606.835	775.958.234
Các khoản khác	398.642.895	716.105.922
Cộng	3.196.675.606	4.133.430.581

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Tiền lương và các khoản trích theo lương	1.809.531.302	2.003.383.119
Chi phí thuê nhà	126.163.637	126.163.638
Chi phí khấu hao	952.233.060	966.123.469
Chi phí giao dịch, hội nghị	34.011.180	209.808.892
Dịch vụ phí, chuyển tiền, công văn...	249.849.712	691.529.297
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	206.883.910	376.786.876
Các khoản khác	789.699.327	1.185.228.325
Cộng	4.168.372.128	5.559.023.616

25. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Thu tiền phạt (*)	1.800.000.000	-
Xóa nợ phải trả (**)	2.296.006.900	-
Các khoản khác	6.880.980	3.245.003
Cộng	4.102.887.880	3.245.003

(*) Phạt Công ty CP Thương mại và Thực phẩm Mini Garden về việc vi phạm hợp đồng số 25062024/HĐMB-MNG-ECI theo Biên bản phạt vi phạm hợp đồng ký ngày 31/12/2024. Mức phạt là 8% tổng giá trị hợp đồng. Công ty đã thu hồi đủ tiền ứng trước cho người bán và tiền phạt ngày 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(**) Công ty CP Xuất nhập khẩu MSD Việt Nam xóa nợ cho Công ty theo Biên bản thỏa thuận xóa nợ ngày 30/12/2024.

26. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Phạt chậm nộp, truy thu thuế	42.724.595	366.644
Xử lý công nợ	13.292.948	146.856.833
Các khoản khác	6.871.581	9.041.335
Cộng	62.889.124	156.264.812

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	269.423.860	(6.201.678.277)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(1.861.734.209)	1.307.504.805
- Điều chỉnh tăng	738.265.791	1.307.504.805
+ Chi phí khấu hao (nguyên giá xe ô tô trên 1,6 tỷ đồng)	675.376.667	675.376.667
+ Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	306.335.986
+ Chi phí không được trừ theo Luật Thuế	62.889.124	325.792.152
- Điều chỉnh giảm	2.600.000.000	-
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	2.600.000.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(1.592.310.349)	(4.894.173.472)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	56.158.729	1.768.520
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	56.158.729	1.768.520

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	308.408.375
Chi phí nhân công	3.919.224.970	4.724.484.940
Chi phí khấu hao tài sản cố định	952.233.060	966.123.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.956.020.170	8.474.316.240
Chi phí khác bằng tiền	427.975.077	781.169.318
Cộng	7.255.453.277	15.254.502.342

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Chủ tịch HĐQT cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn và giá nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, Công ty còn chịu rủi ro về giá hàng hóa kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu và hàng hóa, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu, hàng hóa chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có rủi ro tín dụng hay không. Ngoài ra, các khoản nợ của những khách hàng chậm thanh toán được Công ty trích lập dự phòng. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro tín dụng là ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.816.522.589	-	6.816.522.589
Chi phí phải trả	757.985.414	-	757.985.414
Vay và nợ thuê tài chính	1.728.296.392	2.331.216.494	4.059.512.886
Phải trả khác	1.322.666.446	-	1.322.666.446
Cộng	10.625.470.841	2.331.216.494	12.956.687.335

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.229.265.207	-	9.229.265.207
Vay và nợ thuê tài chính	499.546.392	2.830.762.886	3.330.309.278
Phải trả khác	1.312.048.818	-	1.312.048.818
Cộng	11.862.181.978	2.830.762.886	14.692.944.864

Chủ tịch HĐQT cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.704.447.558	-	14.704.447.558
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Phải thu khách hàng	2.938.036.292	-	2.938.036.292
Phải thu khác	147.498.745	-	147.498.745
Cộng	25.789.982.595	-	25.789.982.595

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	486.576.393	-	486.576.393
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Phải thu khách hàng	4.018.947.631	-	4.018.947.631
Phải thu khác	158.519.272	-	158.519.272
Cộng	24.664.043.296	-	24.664.043.296

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	Công ty con
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Ngọc Huyền	Phụ trách kế toán tại Công ty con Nhân viên công ty, người đại diện công bố thông tin

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

	Giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Bán bản đồ, tranh ảnh	-	23.615.273
Công ty CP Học liệu	Bán bản đồ, tranh ảnh	122.760.000	183.526.200
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Bán bản đồ, tranh ảnh	165.726.000	819.264.960
	Mua thiết bị giáo dục	161.340.914	830.174.532
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Bán bản đồ, tranh ảnh	-	204.600.000
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	Bán bản đồ, tranh ảnh	163.680.000	534.780.000
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	Bán bản đồ, tranh ảnh	-	161.370.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Bán bản đồ, tranh ảnh	9.963.734	483.878
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	Chi hộ	-	140.000.000
	Thu hồi chi hộ	140.000.000	-
	Vay	1.228.750.000	-
	Cho thuê kho, văn phòng	337.500.000	-
	Cổ tức nhận được	2.600.000.000	-
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tạm ứng	560.000.000	-
	Hoàn ứng	560.000.000	430.870.000
Bà Phạm Ngọc Huyền	Tạm ứng	2.714.000.000	47.047.000.000
	Hoàn ứng	1.614.000.000	50.824.358.800
	Vay	1.804.652.090	-
	Trả gốc vay	1.804.652.090	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Số dư các bên liên quan

	Khoản mục	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Phải thu khách hàng	-	838.798
Công ty CP Học liệu	Người mua trả tiền trước	-	122.760.000
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Phải thu khách hàng	229.137	4.349.640
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	Người mua trả tiền trước	-	124.280.000
Bà Phạm Ngọc Huyền	Tạm ứng	2.000.000.000	900.000.000
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	Phải thu khác	-	140.000.000
	Vay và nợ thuê tài chính	1.228.750.000	-

d. Thu nhập của các cán bộ quản lý chủ chốt

Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2024 đã thông qua việc không chi trả thù lao năm 2023 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Thù lao năm 2024 được tính vào chi phí, tối đa là 5% lợi nhuận trước thuế. Theo đó, năm 2024 Công ty không có lợi nhuận trên báo cáo tài chính hợp nhất nên không trích và không trả thù lao.

	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
Tiền lương Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng			
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tổng Giám đốc	263.788.221	442.560.996
Ông Cao Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	291.410.200	516.348.848
Bà Hoàng Mai Diệp	Phó Tổng Giám đốc	261.246.100	482.923.881
Bà Đỗ Thị Thơm	Kế toán trưởng	106.010.443	155.452.846

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

32. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính riêng của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang